

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52 /2021/HS-PT**

Ngày: 05/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.
Bà **Trần Thị Thanh Tuyết**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Chiến** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Võ Khôi Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 148/2020/TLPT-HS ngày 23/12/2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân huyện A, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H (*Hà Bụng*), sinh năm 1960, tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đông Môn, thị trấn A, huyện A, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 04/12; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ Trương Thị A (đã ly hôn), có 03 con đã thành niên; hiện tại có vợ là Nguyễn Thị L, có 02 con, nhỏ sinh năm 2009, lớn sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 25/4/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2018, đến ngày 03/5/2018 thay đổi bằng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quốc D, sinh năm 1985, tại tỉnh Ninh Thuận; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: 14B, Cù Lao Trung, phường B, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 03/12; con ông Nguyễn Văn Đ (1965) và bà Kiều Thị Kim L (1965); vợ Tôn Nữ Ngọc D (1990), có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Thành Xuân L (*Bi Lạnh*), sinh năm 1983, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Đông Dinh, xã C, huyện A, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; con ông Thành Xuân Đ (1956) và bà Phạm Thị V (1956); vợ Nguyễn Thị Kim N (1985, đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Hoàn thành nghĩa vụ quân sự và xuất ngũ ngày 01/01/2004. Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Nguyễn Quốc T (*Tèo*), sinh năm 1970, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: 162 KB Sơn Phước, phường B, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Võ Thị L (đã chết); vợ Văn Thị L (1973); có 03 con đã thành niên; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

5. Trần Minh H (*Bé*), sinh năm 1977, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Hòa Phước, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần Minh Q (1933) và bà Đỗ Thị D (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Minh Th (1981), có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Hoàn thành nghĩa vụ quân sự và xuất ngũ ngày 18/02/2002. Bị cáo tại ngoại có mặt.

6. Nguyễn Thành C (*Tám Dài*), sinh năm 1963, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Võ Tánh, xã D, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ Võ Thị B (1962), có 03 con đã thành niên; tiền án: Bản án số 104/HSST ngày 24/9/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 31 tháng 08 ngày và phạt bổ sung 5.000.000đ về tội “*Đánh bạc*”, bị cáo đã chấp Hnh xong ngày 08/5/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 37/HSST, ngày 10/5/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xử phạt 08 năm tù về tội tổ chức hoặc cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài; Công an thành phố Nha Trang xử lý vi phạm hành chính số 54/CSĐT về hành vi đánh bạc ngày 16/01/2008. Bị cáo tại ngoại có mặt.

7. Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1966, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Thuận Mỹ, xã E, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính : Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn T (1939) và bà Ngô Thị L (đã chết); chồng Lâm Th (1958), có 02 con đã thành niên; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30/01/2018, bị Công an huyện A, tỉnh Khánh Hòa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh bạc*”; nhân thân: 16/01/2008 bị công an thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt vi phạm hành chính số 32/CSĐT về hành vi “*Đánh bạc*”. Bị cáo tại ngoại có mặt.

8. Nguyễn Đạt T, sinh năm 1980, tại Hà Nội; nơi ĐKNKTT: Thôn Đồng Lư, xã F, huyện Quốc Oai, thành phố H Nội; chỗ ở: Tổ dân phố Hạp Phú, thị

trần Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Đ (1957) và bà Nguyễn Thị C (1954); vợ Đinh Thị Ph (1984), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ ngày 01/02/2002. Bị cáo tại ngoại có mặt.

9. Nguyễn Đức V, sinh năm 1972; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 4, xã Diên Phú, huyện A, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Đức Đ (đã chết) và bà Lê Thị S (đã chết); vợ Võ Thị Minh H (1983), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

10. Trần Xuân S, sinh năm 1982, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 17, Vĩnh Diêm Thượng, xã G, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 08/12; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Trần Ái H (1952); vợ Châu Thị Ngọc B (1986); có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

11. Võ Thị Kim L, sinh năm 1969, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 3, xã Diên Phú, huyện A, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 04/12; con ông Võ Văn T (đã chết) và bà Lê Thị Kim Th (đã chết); chồng Lê Đức Tr (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 109/2021/HS-PT ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Hiện bị cáo đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án số 24/2021/QĐ-CA ngày 12/4/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 04/02/2018, Nguyễn Văn H đến khu vực rẫy của ông Võ Minh Tâm (thuộc thôn Hạ, xã Ninh Tân, huyện A) dùng 02 tấm bạt che nắng để tổ chức cho những người tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền. H sử dụng 01 chén, 01 đĩa và 04 hạt vị tròn cắt ra từ lá bài Tây có hai mặt và hai màu khác nhau. H thuê Nguyễn Quốc D làm nhiệm vụ gác cổng xóc bạc và canh giới bên ngoài, Nguyễn Quốc T làm nhiệm vụ cân tiền giữa các cửa, thu và giao tiền cho các con bạc khi xác định thắng thua, Thành Xuân L làm nhiệm vụ thu tiền xóc của con bạc từ 30.000đ đến 200.000đ và thu tiền xâu 5% trên tổng số tiền thắng cược mà các con bạc nhận được khi lượt xóc ra mặt chẵn 04 vị đồng màu. Nguyễn Văn H hứa trả cho Quốc T, L, D mỗi người từ 150.000đ đến 200.000đ.

Quá trình đánh bạc, Trần Minh H (là lái xe thuê, chở những người đến chơi bạc) trực tiếp xóc đĩa để các con bạc đặt tiền đánh bạc, Nguyễn Quốc T

chung chi tiền cho các con bạc, Thành Xuân L trực tiếp thu tiền vào xới bạc và tiền xâu, Nguyễn Quốc D làm nhiệm vụ canh giới. Sòng bạc không quy định cụ thể số tiền đặt cược mỗi ván mà tùy vào những người tham gia chơi.

Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa phát hiện, bắt quả tang và thu giữ số tiền 38.000.000đ cùng dụng cụ dùng cho việc tổ chức đánh bạc. Trong đó xác định Nguyễn Đạt T đặt cược số tiền 300.000đ, Trần Xuân S đặt cược số tiền 200.000đ, Nguyễn Đức V đặt cược số tiền 100.000đ, Võ Thị Kim L đặt cược số tiền 100.000đ. Ngoài ra còn xác định Nguyễn Thành C tham gia đánh bạc với số tiền 200.000đ, Nguyễn Thị Anh T tham gia đánh bạc với số tiền 500.000đ. Trong đó, Nguyễn Thành C có tiền án về tội “*Đánh bạc*” chưa được xóa án tích, Nguyễn Thị Anh T bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Đánh bạc*” ngày 31/10/2018.

Quá trình điều tra xác định các đối tượng: Trần Đức Toàn, Ngô Văn Hiếu, Nguyễn Đình Khỏe, Lê Hồng Tiên, Nguyễn Ngọc Quý, Trịnh Hà, Trần Viết Huyền, Nguyễn Thị Lân, Nguyễn Thị Hồng Phấn, Trương Thị Thành, Lê Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Thu Sang, Đàm Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Đây, Nguyễn Thị Song Bích, Vương Thị Trúc Linh, Đỗ Thị Bình, Trần Thị Sáu, Nguyễn Thị Hòa có tham gia đánh bạc với số tiền 100.000đ đến 200.000đ nhưng không thừa nhận việc đặt cược ván cuối cùng, trong đó có Đàm Thị Ngọc Minh cầm trên tay số tiền 1.100.000đ, khi Cơ quan công an bắt quả tang thì ném xuống chiếu bạc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Nguyễn Quốc T, Trần Minh H, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S, Võ Thị Kim L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản án số 48/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A đã áp dụng điểm a, c, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Thành Xuân L, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc T, Trần Minh H; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Thành Xuân L, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc T; áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S, Võ Thị Kim L; áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đạt T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm 3 tháng tù; Các bị cáo Thành Xuân L, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc T, Trần Minh H mỗi bị cáo 01 năm tù, các bị cáo đều bị xử phạt về tội “*Tổ chức đánh bạc*”; Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thành C 01 năm tù; Nguyễn Thị Anh T 09 tháng tù; Các bị cáo Nguyễn Đạt T, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S, Võ Thị Kim L mỗi bị cáo 06 tháng tù, các bị cáo đều bị xử phạt về tội “*Đánh bạc*”. Ngoài ra, bản án còn quyết định phạt tiền bổ sung, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Vào các ngày 01 và 05/10/2020, lần lượt các bị cáo Trần Minh H, Võ Thị Kim L, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Anh T, Trần Xuân S, Nguyễn Đức V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 09/10/2020 các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L có đơn kháng cáo

toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 12/10/2020 bị cáo Nguyễn Đạt T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 15/10/2020 bị cáo Nguyễn Thành C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an. Cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo H, D, Quốc T, L, H về tội tổ chức đánh bạc, xử phạt các bị cáo C, Tuyết, Đạt T, Việt, S, L về tội đánh bạc là có căn cứ, đúng tội. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H, D L, Minh H, Tuyết, Việt và S đã tự nguyện nộp số tiền phạt theo bản án sơ thẩm đã tuyên, thể hiện sự ăn năn hối cải nên cần được ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo H, D, L, Minh H, Tuyết, Việt, S một phần hình phạt. Đối với các bị cáo còn lại không có thêm tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo đều còn trong hạn luật định nên hợp lệ để xem xét. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L đều xác định nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; tất cả các bị cáo đều xác định không kháng cáo phần phạt tiền bổ sung của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Khánh Hòa đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn H, Thành Xuân L, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc T, Trần Minh H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; các bị cáo Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S, Võ Thị Kim L đều về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo; tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S đều tự nguyện nộp toàn bộ số tiền phạt theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Anh T: Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo H và Anh T đều đã nộp tiền phạt theo như bản án sơ thẩm đã tuyên, nhưng xét thấy trong vụ án này, bị cáo H là người thuê các bị cáo khác, là chủ mưu, cầm đầu tổ chức cho các bị cáo và những người khác đánh bạc; còn bị cáo Anh T là người tham gia đánh bạc. Bản thân bị cáo H và bị cáo Anh T có nhân thân xấu nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện mà vẫn tiếp tục phạm tội; mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là tương xứng và đã có xem xét đối với các bị cáo. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Anh T.

Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử từ cấp sơ thẩm đến cấp phúc thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền phạt theo bản án sơ thẩm đã tuyên, hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo D, L là do bị cáo H thuê, có vai trò hạn chế; Các bị cáo L và H đã có thời gian phục vụ trong quân đội. Riêng bị cáo Nguyễn Minh H không phải là người do bị cáo H thuê, hành vi của bị cáo H chỉ mang tính bột phát và hạn chế hơn các bị cáo khác. Vì vậy, cần xem xét giảm cho các bị cáo D, L, H, Việt và S một phần hình phạt, áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thành C, Nguyễn Đạt T, Võ Thị Kim L: Quá trình tranh tụng tại cấp phúc thẩm không phát sinh tình tiết gì mới, do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Nguyễn Thị Kim L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên phần bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Võ Thị Kim L.

Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc T.**

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Võ Thị Kim L.**

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Đạt T, Võ Thị Kim L.** Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Đạt T.**

Tuyên xử:

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam trước đó từ ngày 04/02/2018 đến ngày 03/5/2018.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Anh T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Đạt T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Trần Minh H.**

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L.**

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Đức V, Trần Xuân S.**

Tuyên xử:

- **Xử phạt bị cáo Thành Xuân L 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh H 09 (chín) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân S 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thành C, Nguyễn Thị Anh T, Nguyễn Đạt T, Võ Thị Kim L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Quốc D, Thành Xuân L, Trần Minh H, Nguyễn Đức V, Trần Xuân S không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ giám đốc I;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- C an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long